

Số: 07/2025/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định về trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao và thực hiện một số thẩm quyền của Ban Quản lý Các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủ đô ngày 28 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị của UBND Thành phố tại Tờ trình số 485/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2024, Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025, Báo cáo giải trình số 155/BC-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định về trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao và thực hiện một số thẩm quyền của Ban quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô), Báo cáo thẩm tra số 47/BC-BKTNS ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố, ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định về trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao và thực hiện một số thẩm quyền của Ban Quản lý Các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (thực hiện điểm a khoản 1, điểm a, b, c, d khoản 3 và điểm a khoản 4 Điều 24 Luật Thủ đô).

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chi tiết về các nội dung sau:

1. Trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng, điều chỉnh ranh giới các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Luật Thủ đô.

2. Trình tự, thủ tục thực hiện một số thẩm quyền của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội đối với các khu công nghệ cao trên địa bàn Thành phố theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 24 Luật Thủ đô.

3. Trình tự, thủ tục về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết, cấp giấy phép xây dựng, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư quy định tại Nghị quyết này không áp dụng đối với các dự án đầu tư tại khu công nghệ cao thuộc trường hợp áp dụng thủ tục đầu tư đặc biệt theo quy định tại Điều 36a của Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là Ban Quản lý), các cơ quan quản lý nhà nước thuộc Thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan.

2. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến các hoạt động quy định tại Điều 1 Nghị quyết này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị quyết này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khu công nghệ cao* bao gồm khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn Thành phố.

2. *Mở rộng khu công nghệ cao* là việc thay đổi ranh giới khu công nghệ cao làm tăng tổng quy mô diện tích đất của khu công nghệ cao, trong đó khu vực mở rộng có vị trí lân cận hoặc liền kề, có thể kết nối với khu công nghệ cao hiện hữu.

3. *Điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao* là việc thay đổi ranh giới khu công nghệ cao mà vẫn giữ nguyên quy mô diện tích đất hoặc làm giảm quy mô diện tích đất của khu công nghệ cao.

Chương II

THÀNH LẬP, MỞ RỘNG VÀ ĐIỀU CHỈNH RANH GIỚI KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 4. Trình tự, thủ tục thành lập khu công nghệ cao

1. Ban Quản lý tổ chức lập hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao, bao gồm:

a) Đề án thành lập khu công nghệ cao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao;

b) Dự thảo Tờ trình của Ban Quản lý gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị thành lập khu công nghệ cao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao;

c) Dự thảo Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao;

d) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập khu công nghệ cao;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Ban Quản lý gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan liên quan về hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao. Cơ quan được hỏi ý kiến gửi văn bản tham gia ý kiến cho Ban Quản lý trong thời hạn 10 ngày.

3. Ban Quản lý thành lập Hội đồng thẩm định để đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao. Hội đồng thẩm định do Trưởng ban Ban Quản lý làm Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các cơ quan nhà nước, cơ quan chuyên môn có liên quan trực thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố. Trường hợp cần thiết, Ban Quản lý có thể mời đại diện các Bộ, ngành và các chuyên gia thuộc các lĩnh vực liên quan tham gia Hội đồng.

Ban Quản lý gửi hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định trước khi họp, các thành viên Hội đồng thẩm định có trách nhiệm gửi ý kiến cho Ban Quản lý trong thời hạn tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định. Ban Quản lý tổ chức cuộc họp của Hội đồng thẩm định để thẩm định hồ sơ trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày Hội đồng được thành lập. Nội dung đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao.

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định và ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, Ban Quản lý chỉ đạo đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao để trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập khu công nghệ cao. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập khu công nghệ cao bao gồm:

a) Tờ trình của Ban Quản lý gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị thành lập khu công nghệ cao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao.

b) Báo cáo đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập khu công nghệ cao của Hội đồng thẩm định;

c) Các tài liệu quy định tại điểm a, c, d và đ khoản 1 Điều này (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu).

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định việc thành lập khu công nghệ cao và ban hành Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao. Quyết định thành lập khu công nghệ cao là căn cứ để triển khai lập quy hoạch phân khu, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 5. Trình tự, thủ tục mở rộng, điều chỉnh ranh giới của khu công nghệ cao

1. Trường hợp mở rộng khu công nghệ cao, Ban Quản lý tổ chức lập hồ sơ đề nghị mở rộng khu công nghệ cao, bao gồm:

a) Đề án mở rộng khu công nghệ cao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao.

b) Dự thảo Tờ trình của Ban Quản lý gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị mở rộng khu công nghệ cao gồm các nội dung theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao;

c) Dự thảo Quy chế hoạt động của khu công nghệ cao (trường hợp khu công nghệ cao hiện hữu chưa có quy chế hoạt động hoặc cần điều chỉnh quy chế hoạt động đã được ban hành);

d) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc mở rộng khu công nghệ cao;

đ) Các tài liệu khác (nếu có).

2. Trường hợp điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, Ban Quản lý tổ chức lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, bao gồm:

a) Đề án điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, bao gồm các nội dung sau: căn cứ pháp lý, lý do và sự cần thiết của việc điều chỉnh ranh giới; đánh giá công tác xây dựng, phát triển và hoạt động của khu công nghệ cao hiện hữu; các khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng và phát triển khu công nghệ cao khi điều chỉnh ranh giới, giảm quy mô diện tích; kiến nghị các giải pháp và tổ chức thực hiện; thể hiện phương án điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao trên bản đồ tỷ lệ 1:5.000 - 1:2.000; các nội dung khác có liên quan (nếu có).

b) Dự thảo Tờ trình của Ban Quản lý gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao, gồm các nội dung chính của Đề án điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao.

c) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao;

d) Các tài liệu khác (nếu có).

3. Ban Quản lý lấy ý kiến các cơ quan liên quan, thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức cuộc họp của Hội đồng thẩm định để đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị mở rộng hoặc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 Nghị quyết này. Nội dung đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị mở rộng hoặc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao như sau:

a) Nội dung đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị mở rộng khu công nghệ cao được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về khu công nghệ cao.

b) Nội dung đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao bao gồm: cơ sở pháp lý và sự cần thiết của việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao; tác động của việc điều chỉnh ranh giới, giảm quy mô diện tích khu công nghệ cao đến việc thực hiện các mục tiêu của khu công nghệ cao hiện hữu; phương án phát triển khu công nghệ cao sau khi điều chỉnh ranh giới, giảm quy mô diện tích; phương án xử lý đối với phần diện tích được đưa ra khỏi phạm vi ranh giới của khu công nghệ cao; tính khả thi của việc điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao và các nội dung khác có liên quan.

4. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định và ý kiến góp ý của các cơ quan liên quan, Ban Quản lý chỉ đạo đơn vị chuyên môn trực thuộc tổ chức chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ đề nghị mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao để trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao bao gồm:

a) Tờ trình của Ban Quản lý gửi Ủy ban nhân dân Thành phố về việc đề nghị mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao;

b) Báo cáo đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao của Hội đồng thẩm định;

c) Các tài liệu quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 1 hoặc điểm a, c, d khoản 2 Điều này (đã được chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu).

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Ban Quản lý, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định mở rộng, điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao.

6. Trường hợp theo nhu cầu phát triển khu công nghệ cao của Thành phố và cần mở rộng khu công nghệ cao khi tỷ lệ lấp đầy của khu công nghệ cao hiện hữu chưa đạt theo quy định của pháp luật hiện hành, Ban Quản lý báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về lý do, sự cần thiết phải mở rộng khu công nghệ cao và thuyết minh cụ thể về nhu cầu sử dụng đất để Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, trình Hội đồng nhân dân Thành phố chấp thuận về chủ trương mở

rộng, làm căn cứ để thực hiện việc mở rộng khu công nghệ cao theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này.

7. Trường hợp ranh giới của khu công nghệ cao bị thay đổi do việc thực hiện, cập nhật các quy hoạch cấp trên hoặc quy hoạch cùng cấp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì không phải thực hiện thủ tục điều chỉnh ranh giới khu công nghệ cao theo quy định tại Điều này. Ban Quản lý có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật hiện hành về quy hoạch.

Chương III

THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ QUY HOẠCH, QUY HOẠCH PHÂN KHU, QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 6. Đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết

1. Ban Quản lý giao đơn vị trực thuộc tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết khu công nghệ cao, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

2. Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan đã được lựa chọn (nếu có) để thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết của khu công nghệ cao do mình đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng.

3. Nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tại khu công nghệ cao (không bao gồm nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều này) tổ chức lập quy hoạch chi tiết tại khu vực đã được xác định để thực hiện dự án đầu tư.

Điều 7. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch

1. Trình tự, thủ tục lập và trình thẩm định nhiệm vụ quy hoạch

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch thực hiện lập nhiệm vụ quy hoạch hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện theo quy định để lập nhiệm vụ quy hoạch;

b) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở. Cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

c) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý (nếu có), hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch và trình Ban Quản lý thẩm định;

d) Hồ sơ trình thẩm định nhiệm vụ quy hoạch bao gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định của đơn vị tổ chức lập quy hoạch; thuyết minh nội dung nhiệm vụ quy hoạch kèm theo bản vẽ theo tỷ lệ thích hợp; dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với nhiệm vụ quy hoạch; các văn bản pháp lý có liên quan.

2. Trình tự, thủ tục thẩm định nhiệm vụ quy hoạch

a) Ban Quản lý có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch bảo đảm theo quy định;

b) Trường hợp cần thiết, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định theo quy định, Ban Quản lý gửi hồ sơ để lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các cơ quan, tổ chức có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

c) Ban Quản lý quyết định thành lập Hội đồng thẩm định và phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Hội đồng thẩm định, trong đó Chủ tịch Hội đồng thẩm định là Lãnh đạo Ban Quản lý, các thành viên Hội đồng thẩm định gồm có đại diện các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan và các chuyên gia chuyên ngành. Ban Quản lý gửi hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định trước khi họp và tổ chức cuộc họp của Hội đồng thẩm định để thẩm định nhiệm vụ quy hoạch;

d) Đơn vị chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý có chức năng quản lý quy hoạch là đơn vị thẩm định quy hoạch (sau đây gọi tắt là Đơn vị thẩm định) có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của Hội đồng thẩm định, ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan (nếu có) và lập báo cáo thẩm định nhiệm vụ quy hoạch theo quy định, trong đó có kết luận về điều kiện trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch.

Trường hợp nhiệm vụ quy hoạch đủ điều kiện để trình phê duyệt, Đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý ký văn bản thông báo kết quả thẩm định gửi đơn vị tổ chức lập quy hoạch để nghiên cứu, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch trước khi trình phê duyệt.

Trường hợp nhiệm vụ quy hoạch không đủ điều kiện để trình phê duyệt, Đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý ký văn bản gửi đơn vị tổ chức lập quy hoạch thông báo về việc nhiệm vụ quy hoạch không đủ điều kiện để trình phê duyệt và nêu rõ lý do.

đ) Thời gian thẩm định nhiệm vụ quy hoạch không quá 15 ngày kể từ ngày Ban Quản lý nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch theo ý kiến thẩm định và trình Ban Quản lý phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

b) Hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch bao gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt của đơn vị tổ chức lập quy hoạch; thuyết minh nội dung nhiệm vụ quy hoạch kèm theo bản vẽ theo tỷ lệ thích hợp và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định); văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

c) Ban Quản lý căn cứ báo cáo thẩm định của Đơn vị thẩm định, Tờ trình đề nghị phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định để xem xét, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch;

d) Đơn vị thẩm định có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận nhiệm vụ quy hoạch và được sử dụng con dấu của Ban Quản lý để xác nhận.

Điều 8. Trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

1. Trình tự, thủ tục lập và trình thẩm định quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện theo quy định để thực hiện lập quy hoạch;

b) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch gửi hồ sơ quy hoạch để lấy ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở. Cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

c) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý (nếu có), hoàn thiện hồ sơ quy hoạch và trình Ban Quản lý thẩm định;

d) Hồ sơ trình thẩm định quy hoạch: Tờ trình đề nghị thẩm định của đơn vị tổ chức lập quy hoạch; nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt (đối với trường hợp phải lập nhiệm vụ); thuyết minh nội dung quy hoạch kèm theo bản vẽ thu nhỏ; các bản vẽ quy hoạch theo đúng tỷ lệ; dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch; văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với quy hoạch; các văn bản pháp lý có liên quan;

2. Trình tự, thủ tục thẩm định quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

a) Ban Quản lý có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ quy hoạch bảo đảm theo quy định;

b) Đối với quy hoạch phân khu, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định theo quy định, Ban Quản lý gửi hồ sơ để lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các cơ quan, tổ chức có liên quan về quy hoạch, đồng thời niêm yết trưng bày quy hoạch tại Ủy ban nhân dân cấp cơ sở có liên quan để lấy ý kiến cộng đồng dân cư trong thời hạn ít nhất là 20 ngày và không quá 30 ngày (trường hợp chưa hết thời gian lấy ý kiến mà đã

nhận được đầy đủ ý kiến của cộng đồng dân cư thì Ban Quản lý được thực hiện các bước tiếp theo). Đối với quy hoạch chi tiết, trường hợp cần thiết, Ban Quản lý gửi hồ sơ để lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các cơ quan, tổ chức có liên quan về quy hoạch. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến về quy hoạch có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định;

c) Ban Quản lý quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, gửi hồ sơ quy hoạch lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, tổ chức cuộc họp của Hội đồng thẩm định theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này;

d) Đơn vị thẩm định có trách nhiệm tổng hợp ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định, ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân có liên quan (nếu có), lập báo cáo thẩm định quy hoạch theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị quyết này;

đ) Thời gian thẩm định quy hoạch không quá 30 ngày kể từ ngày Ban Quản lý nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

3. Trình tự, thủ tục phê duyệt quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ quy hoạch theo ý kiến thẩm định và trình Ban Quản lý phê duyệt quy hoạch;

b) Hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch bao gồm: Tờ trình đề nghị phê duyệt của đơn vị tổ chức lập quy hoạch; thuyết minh nội dung quy hoạch kèm theo bản vẽ thu nhỏ, các bản vẽ quy hoạch theo đúng tỷ lệ và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch (đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định); văn bản giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;

c) Ban Quản lý căn cứ báo cáo thẩm định của Đơn vị thẩm định, Tờ trình đề nghị phê duyệt quy hoạch, hồ sơ quy hoạch đã được chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến thẩm định để xem xét, phê duyệt quy hoạch và ban hành quy định quản lý theo quy hoạch được phê duyệt;

d) Đơn vị thẩm định có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận hồ sơ quy hoạch và được sử dụng con dấu của Ban Quản lý để xác nhận;

đ) Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày quy hoạch được phê duyệt, đơn vị tổ chức lập quy hoạch phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan có liên quan để tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định;

e) Sau khi quy hoạch được phê duyệt, đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm lập hồ sơ cắm mốc, trình Ban Quản lý phê duyệt và tổ chức thực hiện cắm mốc theo quy định.

4. Trình tự, thủ tục có ý kiến về quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn)

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện theo quy định thực hiện lập hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng theo quy định; gửi văn bản và hồ sơ kèm theo theo quy định đề nghị Ban Quản lý có ý kiến thống nhất về quy hoạch tổng mặt bằng;

b) Đơn vị thẩm định xem xét, đánh giá hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng theo quy định và trình Ban Quản lý ký văn bản cho ý kiến thống nhất về quy hoạch tổng mặt bằng trong thời hạn tối đa 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Quá thời hạn 07 ngày mà Ban Quản lý không có ý kiến bằng văn bản, đơn vị tổ chức lập quy hoạch được tiếp tục triển khai quy hoạch tổng mặt bằng đã được gửi đến Ban Quản lý.

c) Trình tự, thủ tục có ý kiến về điều chỉnh quy hoạch tổng mặt bằng được thực hiện như quy định tại điểm a và b khoản này.

5. Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh cần bảo đảm bí mật nhà nước không phân biệt quy mô được đầu tư tại khu công nghệ cao thì chủ đầu tư dự án tổ chức lập quy hoạch tổng mặt bằng (quy hoạch chi tiết theo quy trình rút gọn) trong giai đoạn chuẩn bị dự án, trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án xem xét, thẩm định, phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng. Chủ đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến bằng văn bản của Ban Quản lý về quy hoạch tổng mặt bằng trước khi trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt. Ban Quản lý cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 9. Trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

1. Trình tự, thủ tục điều chỉnh tổng thể quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết được thực hiện như sau

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch lập báo cáo rà soát quy hoạch theo quy định, trình Ban Quản lý chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch.

b) Sau khi được Ban Quản lý chấp thuận chủ trương điều chỉnh tổng thể quy hoạch, việc tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt điều chỉnh tổng thể quy hoạch và công bố quy hoạch điều chỉnh được thực hiện theo các quy định tại Điều 7 và 8 Nghị quyết này.

2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết

a) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch thực hiện lập hoặc lựa chọn tổ chức tư vấn đủ điều kiện theo quy định để thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết theo quy định, trình Ban Quản lý thẩm định, phê duyệt. Hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch bao gồm: Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt của đơn vị tổ chức lập quy hoạch; hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo quy định.

b) Đối với điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu, trường hợp cần thiết, trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình thẩm định theo quy định, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến của Sở Quy hoạch - Kiến trúc và các cơ quan, tổ chức có liên quan về nội dung và kế hoạch điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Cơ quan, tổ chức có trách nhiệm cho ý kiến bằng văn bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định.

c) Đơn vị thẩm định thực hiện thẩm định hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch, tổng hợp ý kiến của các cơ quan, tổ chức (nếu có) và lập báo cáo thẩm định theo quy định. Trường hợp hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch đủ điều kiện để trình phê duyệt, Đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch. Trường hợp hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt, Đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý ký văn bản thông báo để đơn vị tổ chức lập quy hoạch chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

d) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch theo yêu cầu của Ban Quản lý và gửi Đơn vị thẩm định. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ đã được chỉnh sửa, bổ sung theo đúng yêu cầu, Đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

đ) Ban Quản lý căn cứ báo cáo thẩm định của Đơn vị thẩm định, Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch, hồ sơ điều chỉnh cục bộ quy hoạch (đã được chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện nếu có yêu cầu) để xem xét, phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch.

e) Đơn vị tổ chức lập quy hoạch có trách nhiệm cập nhật và thể hiện trong hồ sơ quy hoạch những nội dung đã được phê duyệt điều chỉnh cục bộ.

Chương IV

CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH TRONG PHẠM VI KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng và điều chỉnh giấy phép xây dựng

1. Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng, điều chỉnh giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng cho Ban Quản lý.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ban Quản lý thực hiện việc kiểm tra thực địa và lập biên bản ghi nhận hiện trạng, kiểm tra hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

a) Trường hợp hồ sơ, tài liệu còn thiếu, không đúng theo quy định hoặc không đúng với thực tế, Ban Quản lý thông báo bằng văn bản một lần cho chủ đầu tư bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

b) Trường hợp việc bổ sung hồ sơ không đáp ứng được các nội dung theo thông báo thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, Ban Quản lý thông báo đến chủ đầu tư về lý do không cấp giấy phép xây dựng.

3. Trường hợp cần thiết, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ban Quản lý gửi văn bản lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về các lĩnh vực liên quan đến công trình xây dựng. Trong thời hạn 12 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, các cơ quan được hỏi ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về những nội dung thuộc chức năng quản lý của mình.

4. Ban Quản lý tổng hợp ý kiến của các cơ quan liên quan (nếu có), xem xét, kiểm tra các điều kiện cấp phép xây dựng theo quy định pháp luật về xây dựng, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ với nội dung đã được cơ quan, tổ chức thẩm định, thẩm duyệt, thẩm tra theo quy định pháp luật về xây dựng để cấp giấy phép xây dựng hoặc điều chỉnh giấy phép xây dựng trong thời gian 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này. Thời gian chủ đầu tư chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian xem xét cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng. Trường hợp đến thời hạn cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng nhưng cần phải xem xét thêm thì Ban Quản lý phải thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư biết lý do, nhưng không được quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn cấp Giấy phép xây dựng theo quy định.

Điều 11. Trình tự, thủ tục gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng

1. Chủ đầu tư dự án nộp hồ sơ đề nghị gia hạn, cấp lại giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng cho Ban Quản lý.

2. Ban Quản lý xem xét gia hạn giấy phép xây dựng hoặc cấp lại giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Điều 12. Trình tự, thủ tục thu hồi, hủy giấy phép xây dựng

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kết quả thanh tra hoặc văn bản của đơn vị chuyên môn trực thuộc Ban Quản lý có chức năng quản lý về xây dựng xác định giấy phép xây dựng thuộc trường hợp bị thu hồi theo quy định, Ban Quản lý ban hành quyết định thu hồi giấy phép xây dựng.

2. Ban Quản lý gửi quyết định thu hồi giấy phép xây dựng cho chủ đầu tư bị thu hồi và đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi thông tin cho Ủy ban nhân dân cấp cơ sở nơi có công trình để công bố công khai tại Ủy ban nhân dân cấp cơ sở trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định.

3. Chủ đầu tư bị thu hồi giấy phép xây dựng phải nộp lại bản gốc giấy phép xây dựng cho Ban Quản lý trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi.

4. Trường hợp chủ đầu tư bị thu hồi giấy phép xây dựng không nộp lại giấy phép xây dựng theo quy định, Ban Quản lý ban hành quyết định hủy giấy phép xây dựng và thông báo cho chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp cơ sở nơi có công trình xây dựng. Quyết định hủy giấy phép xây dựng phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ban Quản lý và tích hợp trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

5. Chủ đầu tư dự án bị thu hồi giấy phép xây dựng được đề nghị Ban Quản lý cấp giấy phép xây dựng theo quy định sau khi đã nộp lại hoặc hủy giấy phép xây dựng và hoàn thành các trách nhiệm, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Chương V

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DỰ ÁN ĐẦU TƯ TẠI KHU CÔNG NGHỆ CAO

Điều 13. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định cho Ban quản lý.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan và gửi về Ban quản lý trong thời hạn 15 ngày làm việc.

3. Ban quản lý giao đơn vị chuyên môn trực thuộc có chức năng quản lý về đầu tư làm đơn vị thẩm định (sau đây gọi tắt là đơn vị thẩm định) tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định, tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư và lập Báo cáo thẩm định theo quy định.

a) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư.

b) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản thông báo kết quả thẩm định.

Điều 14. Trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định cho Ban quản lý.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan và gửi về Ban quản lý trong thời hạn 15 ngày.

3. Đơn vị thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định, tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và lập Báo cáo thẩm định theo quy định.

a) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

b) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản thông báo kết quả thẩm định.

Điều 15. Trình tự, thủ tục chấp thuận nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư theo quy định cho Ban Quản lý.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan và gửi về Ban Quản lý trong thời hạn 15 ngày.

3. Đơn vị thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định, tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư và lập Báo cáo thẩm định theo quy định.

a) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý chấp thuận nhà đầu tư.

b) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận nhà đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban Quản lý văn bản từ chối chấp thuận nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận nhà đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản thông báo kết quả thẩm định.

Điều 16. Trình tự, thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban quản lý

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định cho Ban quản lý;

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của Sở Tài chính và các Sở, ngành có liên quan về những nội dung thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan đó theo quy định của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan và gửi về Ban quản lý trong thời hạn 15 ngày.

3. Đơn vị thẩm định tổng hợp ý kiến thẩm định của Sở Tài chính, các Sở, ngành được lấy ý kiến thẩm định, tổ chức đánh giá, thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và lập Báo cáo thẩm định theo quy định.

a) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đủ điều kiện để chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

b) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ không đủ điều kiện để chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản từ chối chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và nêu rõ lý do.

c) Trường hợp đơn vị thẩm định xác định hồ sơ đề nghị chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị thẩm định trình Ban quản lý văn bản thông báo kết quả thẩm định.

Điều 17. Trình tự, thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban quản lý cấp, điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư và nhà đầu tư đã trúng đấu giá, trúng thầu; dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận nhà đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư và thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý. Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

3. Đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý. Ban Quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.

Điều 18. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định cho Ban quản lý. Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, nhà đầu tư nộp hồ sơ theo quy định, trong đó đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

2. Ban quản lý cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ khi dự án đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Điều 19. Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

1. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư nộp Hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

2. Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, nhà đầu tư nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định cho Ban quản lý.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

Điều 20. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Trường hợp tự quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, Nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án cho Ban quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày quyết định kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

2. Trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo các điều kiện quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư tại các điểm b và c khoản 1

Điều 48 Luật Đầu tư 2020, nhà đầu tư thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) cho Ban Quản lý trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư kèm theo bản sao tài liệu ghi nhận việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Ban quản lý thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan.

3. Trường hợp chấm dứt hoạt động dự án đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 48 của Luật Đầu tư 2020, Ban quản lý quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư có hiệu lực.

Chương VI

CHẤP THUẬN NHU CẦU SỬ DỤNG NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI; CẤP, CẤP LẠI, GIA HẠN, THU HỒI GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG; XÁC NHẬN NGƯỜI LAO ĐỘNG NƯỚC NGOÀI KHÔNG THUỘC DIỆN CẤP GIẤY PHÉP LAO ĐỘNG

Điều 21. Trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài của nhà thầu

1. Trước khi tuyển người lao động nước ngoài, Nhà thầu nộp hồ sơ cho Ban quản lý trong đó kê khai số lượng, trình độ, năng lực chuyên môn, kinh nghiệm của người lao động nước ngoài cần tuyển để thực hiện gói thầu tại Việt Nam và đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài.

Trường hợp nhà thầu có nhu cầu điều chỉnh, bổ sung số lao động đã kê khai thì chủ đầu tư phải xác nhận phương án điều chỉnh, bổ sung nhu cầu lao động cần sử dụng của nhà thầu.

2. Ban quản lý đề nghị các cơ quan, tổ chức của địa phương giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu hoặc phối hợp với các cơ quan, tổ chức ở địa phương khác để giới thiệu, cung ứng người lao động Việt Nam cho nhà thầu. Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 500 người lao động Việt Nam trở lên và tối đa 01 tháng kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển từ 100 đến dưới 500 người lao động Việt Nam và 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị tuyển dưới 100 người lao động Việt Nam.

3. Ban quản lý xem xét, quyết định việc nhà thầu được tuyển người lao động nước ngoài vào các vị trí công việc không tuyển được người lao động Việt Nam trong trường hợp không giới thiệu hoặc cung ứng được người lao động Việt Nam được cho nhà thầu.

Điều 22. Trình tự, thủ tục chấp thuận sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí, chức danh công việc mà người Việt Nam chưa đáp ứng được

1. Người sử dụng lao động thông báo tuyển dụng người lao động Việt Nam vào các vị trí, chức danh công việc dự kiến tuyển dụng người lao động nước ngoài trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nội vụ (Cục Việc làm) hoặc Cổng thông tin điện tử của Trung tâm dịch vụ việc làm Hà Nội trong thời gian ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến báo cáo giải trình với Ban Quản lý. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm: vị trí và chức danh công việc, mô tả công việc, số lượng, yêu cầu về trình độ, kinh nghiệm, mức lương, thời gian và địa điểm làm việc. Sau khi không tuyển được người lao động Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài. Sau khi không tuyển được người lao động Việt Nam vào các vị trí tuyển dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài, người sử dụng lao động (trừ nhà thầu) có trách nhiệm xác định nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng được và báo cáo giải trình với Ban Quản lý.

3. Trong quá trình thực hiện nếu thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài về vị trí, chức danh công việc, hình thức làm việc, số lượng, địa điểm thì người sử dụng lao động phải báo cáo Ban Quản lý trước ít nhất 15 ngày kể từ ngày dự kiến sử dụng người lao động nước ngoài.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo giải trình hoặc báo cáo giải trình thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài, Ban quản lý có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sử dụng người lao động nước ngoài đối với từng vị trí công việc.

Điều 23. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép lao động

1. Trước ít nhất 15 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam, người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động gửi Ban quản lý.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý thực hiện cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài. Trường hợp không cấp giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được cấp giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến làm việc cho người sử dụng lao động.

Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu

cầu tới cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép lao động đó. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.

Điều 24. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép lao động

1. Người sử dụng lao động nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép lao động theo quy định gửi Ban quản lý.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban Quản lý cấp lại giấy phép lao động. Trường hợp không cấp lại giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Điều 25. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép lao động

1. Trước ít nhất 05 ngày làm việc nhưng không quá 45 ngày trước ngày giấy phép lao động hết hạn, người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị gia hạn giấy phép lao động theo quy định cho Ban Quản lý.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ban quản lý gia hạn giấy phép lao động. Trường hợp không gia hạn giấy phép lao động thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo hình thức thực hiện hợp đồng lao động, sau khi người lao động nước ngoài được gia hạn giấy phép lao động thì người sử dụng lao động và người lao động nước ngoài phải ký kết hợp đồng lao động bằng văn bản theo quy định của pháp luật lao động Việt Nam trước ngày dự kiến tiếp tục làm việc cho người sử dụng lao động.

Người sử dụng lao động phải gửi hợp đồng lao động đã ký kết theo yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền đã gia hạn giấy phép lao động đó. Hợp đồng lao động là bản gốc hoặc bản sao có chứng thực.

Điều 26. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép lao động

1. Đối với trường hợp Giấy phép lao động hết hiệu lực theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 156 của Bộ luật Lao động, trong 15 ngày kể từ ngày giấy phép lao động hết hiệu lực, người sử dụng lao động thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài để nộp lại Ban quản lý kèm theo văn bản nêu rõ lý do thu hồi, trường hợp thuộc diện thu hồi nhưng không thu hồi được.

2. Đối với trường hợp người sử dụng lao động hoặc người lao động nước ngoài không thực hiện đúng quy định pháp luật về người lao động nước ngoài; người lao động nước ngoài trong quá trình làm việc ở Việt Nam không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam làm ảnh hưởng tới an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Ban Quản lý ra quyết định thu hồi giấy phép lao động và thông báo cho người sử dụng lao động để thu hồi giấy phép lao động của người lao động nước ngoài và nộp lại cho Ban Quản lý.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép lao động đã thu hồi, Ban quản lý có văn bản xác nhận đã thu hồi giấy phép lao động gửi người sử dụng lao động.

Điều 27. Trình tự, thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

1. Người sử dụng lao động đề nghị người lao động nước ngoài dự kiến làm việc xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày người lao động nước ngoài bắt đầu làm việc.

Đối với trường hợp không phải làm thủ tục xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của pháp luật về lao động, Người sử dụng lao động phải báo cáo với Ban Quản lý thông tin: họ và tên, tuổi, quốc tịch, số hộ chiếu, tên người sử dụng lao động nước ngoài, ngày bắt đầu và ngày kết thúc làm việc trước ít nhất 03 ngày làm việc, kể từ ngày người lao động nước ngoài dự kiến bắt đầu làm việc tại Việt Nam.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động Ban Quản lý có văn bản xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Trường hợp không xác nhận thì có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Thời gian giải quyết các thủ tục

1. Thời gian giải quyết các thủ tục của Ban Quản lý và thời gian các cơ quan tham gia ý kiến theo quy định tại Nghị quyết này là thời gian tối đa. Ban Quản lý và các cơ quan liên quan có trách nhiệm rút ngắn thời gian giải quyết để tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai dự án và hoạt động của nhà đầu tư tại khu công nghệ cao.

2. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, Ban Quản lý và các cơ quan liên quan có trách nhiệm cắt giảm tương ứng thời gian thực hiện thủ tục và giải quyết các bước công việc của đơn vị mình để bảo đảm phù hợp với thời gian giải quyết thủ tục sau khi được cắt giảm.

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung được quy định tại Nghị quyết. Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm chỉ đạo Ban quản lý và các cơ quan trực thuộc thực hiện các thủ tục quy định tại Nghị quyết này theo tinh thần áp dụng số hóa và tiếp nhận “phi địa giới hành chính” để tăng cường cải cách hành chính. Trong quá trình tổ chức thực hiện, trường hợp có phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hà Nội và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp chủ động phối hợp tuyên truyền và tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

Doanh nghiệp, nhà thầu, cơ quan, tổ chức, đơn vị có nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc sử dụng người lao động nước ngoài hoặc cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Khu Công nghệ cao Hòa Lạc trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì được lựa chọn báo cáo việc thay đổi nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài hoặc thực hiện thủ tục cấp lại, gia hạn giấy phép lao động cho người nước ngoài tại Ban Quản lý hoặc cơ quan có thẩm quyền đã chấp thuận, cấp giấy phép lao động.

Điều 31. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 29 tháng 4 năm 2025.

2. Trường hợp văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì được áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khoá XVI, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Công tác ĐB;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Hà Nội;
- Đoàn đại biểu Quốc hội Thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND Thành phố;
- Các vị đại biểu HĐND Thành phố;
- Các Ban của HĐND Thành phố;
- Các Ban Đảng Thành ủy;
- Các VP: Thành ủy, ĐDBQH & HĐND TP, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- Trung tâm thông tin dữ liệu và công nghệ số Thành phố;
- Trang TTĐT của Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Tuấn